TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08 /2022/HNGĐ-ST
Ngày: 06 -5 - 2022
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông La Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Cương;

2. Bà Lê Kim Chi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Thanh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang không tham gia phiên tòa.

Ngày 06 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2022/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2022 về "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình, ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2022/QĐXXST-HN ngày 18-4-2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ông Chung Ch, sinh năm 1989; nơi cư trú: 33 Har, San Francisco, CA 94134, Hoa Kỳ, vắng mặt.

2. *Bị đơn*: Bà Lê Thị Giếng E, sinh năm 1993; nơi cư trú: 39/31/14 Hẻm BL, tổ 6, BĐ 5, phường BĐ, thành phố L, tỉnh An Giang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện; bản tự khai nguyên đơn ông Chung Ch *trình bày:*

Qua quen biết tìm hiểu, ông Chung Ch và bà Lê Thị Giếng E đăng ký kết hôn và được Uỷ ban nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 42 ngày 23/5/2018. Sau khi kết hôn ông Chung Ch chuẩn bị thủ tục bảo lãnh bà Giếng E sang Mỹ sinh sống, tạo dựng hạnh phúc. Thời gian này phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm về nhiều vấn đề, từ đó tình cảm rạn nứt. Ông Chung Ch và bà Giếng E đã cho nhau cơ hội để hôn nhân không đổ vỡ, nhưng bất thành. Nay tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, ông Chung Ch làm đơn khởi kiện ly hôn bà Lê Thị Giếng E.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 31-3-2022, bị đơn bà Lê Thị Giếng E trình bày điều kiện, thời gian đi đến hôn nhân như theo lời trình bày của nguyên đơn. Bị đơn đồng ý ly hôn theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vợ chồng không có con chung và cũng không có tài sản chung.

Ngày 17-3-2022, ông Chung Ch có bản tự khai và yêu cầu xét xử vắng mặt.

Bà Lê Thị Giếng E có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 31-3-2022.

Tại phiên tòa, Chủ tọa phiên tòa công bố các đơn và tài liệu chứng cứ do các đương sự cung cấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được kiểm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn bà Lê Thị Giếng E, sinh năm 1993 có nơi cư trú tại tỉnh An Giang, nguyên đơn có nơi cư trú tại Har, San Francisco, CA 94134, Hoa Kỳ. Nguyên đơn khởi kiện ly hôn, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40 và điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vụ án hôn nhân và gia đình không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên không có Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ông Chung Ch và bà Lê Thị Giếng E có đăng ký tại Ủy ban nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang, theo giấy chứng nhận kết số 42 ngày 23-5-2018, công nhận hôn nhân.

Nguyên đơn khởi kiện ly hôn và bị đơn đồng ý, cho thấy tình cảm vợ chồng không còn sau gần 4 năm xa cách. Hôn nhân của ông Chung Ch và bà Giếng E lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại trên thực tế, mục đích của hôn nhân không đạt được. Xét chấp nhận theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.2] Về con chung, tài sản chung, nợ chung, các đương sự trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét đến.

[3] Về chi phí tố tụng: Không có.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, buộc nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ưng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Chung Ch.

1. Ông Chung Ch được ly hôn với bà Lê Thị Giếng E.

Giấy chứng nhận kết hôn số 42 ngày 23-5-2018 của Ủy ban nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Ông Chung Ch phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000085 ngày 29-3-2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Ông Chung Ch đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Bà Lê Thị Giếng E có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm là 15 ngày kể ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Ông Chung Ch được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (một) tháng, kể từ ngày bản án, quyết định được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án, quyết định được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP HCM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Cục THA dân sự tỉnh An Giang;
- Ủy ban nhân dân TP L;
- Phòng KTNV và THA;
- Tòa GĐ và NCTN;
- Đương sự;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

La Hồng